1. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị thặng dư bao gồm:

– Năng suất lao động: là số lượng sản phẩm đươc người lao động sản xuất ra trong một đơn vị thời gian.

– Thời gian lao động: là khoảng thời giờ lao động cần phải tiêu tốn để sản xuất ra một hàng hóa nào đó trong những điều kiện sản xuất bình thường của xã hội, với một trình độ trang thiết bị bình thường, với một trình độ thành thạo bình thường và cường độ lao động bình thường trong xã hội ở thời điểm đó.

– Cường độ lao động: là sự hao phí sức trí óc (thần kinh), sức bắp thịt của người lao động trong sản xuất trong một đơn vị thời gian hoặc kéo dài thời gian sản xuất, hoặc cả hai cách đó.

– Công nghệ sản xuất

– Thiết bị, máy móc

– Vốn

– Trình độ quản lý

– Thủ đô

Năng suất lao động tăng lên làm giảm giá trị sức lao động và thời gian lao động cần thiết cũng giảm theo.

Một khi độ dài của ngày lao động không đổi, và thời gian lao động cần thiết giảm đi, thì thời gian lao động thặng dư sẽ tăng lên.

Đây là phương pháp tất yếu nhằm rút ngắn thời gian lao động bằng cách hạ thấp giá trị sức lao động và tăng thời gian lao động thặng dư dựa trên giá trị ngày công và cường độ lao động không đổi.

1. Nhận định về các pp sxgttd trong CNTB hiện đại tk 21

Chủ nghĩa tư bản mặc dù có những bước phát triển mới, biến đổi về lượng và chất cục bộ, nhưng

* Do trình độ đạt được của văn minh nhân loại và do cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, mà một bộ phận không nhỏ công nhân ở các nước tư bản phát triển có mức sống tương đối sung túc, nhưng về cơ bản, họ vẫn phải bán sức lao động và vẫn bị nhà tư bản bóc lột GTTD.
* Trong các xí nghiệp hiện đại, tự động hóa, quá trình sản xuất ra sản phẩm không cần hoặc cần rất ít lao động sống, nhưng giá trị do các xí nghiệp này tạo ra tăng gấp bội so với các xí nghiệp cổ điển dùng rất nhiều công nhân,...
* ở tk21, Lao động không chỉ là lao động giản đơn mà ngày nay còn xuất hiện thêm lao động trí tuệ. Bất cứ lao động nào, dù là lao động giản đơn hay lao động trí tuệ mà không được trả công tương xứng với giá trị mà lao động đó sáng tạo ra (sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết) trong TBCN đều bị bóc lột GTTD. Vì vậy, bản chất bóc lột không hề thay đổi
* .
* Hàm lượng chất xám (sự đầu tư trí tuệ của công nhân, trí thức, kỹ thuật lập trình, nhà khoa học phát minh, sáng chế, nhà quản trị và công nghệ hiện đại), nên lao động phức tạp, lao động trí tuệ tăng lên và thay thế lao động giản đơn, lao động cơ bắp, dẫn đến lao động trí tuệ, lao động có trình độ kỹ thuật cao ngày càng có vai trò quyết định trong việc sản xuất ra GTTD.
* Do kỹ thuật và công nghệ hiện đại được áp dụng rộng rãi, nên khối lượng GTTD được tạo ra chủ yếu nhờ tăng năng suất lao động.
* CNTB không chỉ dừng lại ở sự bóc lột sức lao động của người dân mà thậm chí còn dùng cả “người máy” để giám sát quá trình làm việc của con người. Robot và phần mềm AI đảm nhiệm công việc giám sát một cách khắc nghiệt, khiến nhân viên luôn trong trạng thái mệt mỏi.
* Xem xét quan hệ bóc lột của CNTB ngày nay không chỉ bó hẹp trong quan hệ giữa nhà tư bản và người lao động làm thuê ở các nước TBCN, mà phải xem xét cả quan hệ thống trị, bóc lột của các nước phát triển với các nước kém và đang phát triển, thể hiện ở sự phân hóa hai cực: giàu, nghèo của thế giới. Bởi vì, sự bóc lột GTTD của CNTB đã mang “tính quốc tế”.
* Những sự “điều chỉnh” để thích ứng của CNTB tuy có tác động tới sự phát triển, song đưa lại hệ quả xấu là khoét sâu thêm khoảng cách giữa giàu và nghèo, làm cho các nước nghèo ngày càng nghèo hơn, các nước giàu ngày càng giàu hơn. Không những thế, sự “điều chỉnh” còn gây ra những tình trạng tệ hơn. Người lao động bị bóc lột về thể chất lẫn tinh thần( nhu cầu sinh hoạt thiết yếu như đi vệ sinh cũng bị hạn chế, thời gian nghỉ và làm việc không cân bằng, số giờ làm thêm trong tuần tăng quá mức) để tăng thời gian và cường độ lao động dẫn đến những áp lực về tinh thần và thậm chí còn tử vong và tỷ lệ tử vong vì áp lực làm việc càng ngày càng tăng.
* Hạn chế vì sử dụng các luật lệ, chính sách để điều chỉnh khi sự bóc lột của các công ty tư bản “quá ngưỡng” có thể xảy ra nguy cơ xung đột về chính trị và xã hội.

Câu 3:Giá trị của toàn bộ sản phẩm = 250.000+(250\*300)+(250\*300)\*3=550.000 Gía trị của 1 sản phẩm : 550.000/12500=44

Câu 4: Ta có tư bản đầu tư = c+v=2.000.000 tư liệu sản xuất :c=780 000 -> v= 2000000-780000 = 1.220.000 Do m’=200% -> m=2v, tức m= 1.220.000 x 2 =2.440.000 Giá trị mới do 300 công nhân tạo = 1.220.000 + 2.440.000=3.660.000 Vậy, Khối lượng giá trị mới do 1 công nhân tạo ra = 3.660.000/300=12200